TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC NINH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST Ngày: 23/5/2018. *V/v: Ông Hoàng Xuân Thanh xin ly hôn bà Phạm Thị Lượng.*	**NHÂN DANH** **N□ ÓC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Sỹ Khả.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Trung, ông Viêm Văn Doãn.

Th- ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hồng

Đại diện VKSND thành phố Bắc Ninh *tham gia phiên tòa:* Bà Hồ Thị Lê -Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2017/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình; theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2018 giữa:

Ông Hoàng Xuân T, sinh năm 1945 (có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1961 (vắng mặt tại phiên tòa);

Các đương sự cùng ĐKHKTT: Khu Ấ, phường H, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Hoàng Xuân T trình bày: Ông kết hôn với bà Phạm Thị L trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố B, tỉnh B vào năm 2010. Sau khi kết hôn ông và bà L tại khu Ất, phường Hạp Lĩnh, thành phố Bắc Ninh. Trong qúa trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà L không biết cách cư xử giữa bà với các con riêng của ông nên hai bên thường xuyên cãi nhau. Trong kinh tế bà L không đóng góp gì cho gia đình, làm được bao nhiêu chỉ để riêng mình nên mọi chi tiêu sinh hoạt gia đình đều do ông lo liệu, ngoài ra bà L không quan tâm đến ông, do mâu thuẫn nên năm 2015 bà L đã thuê nhà ở chỗ khác, ông gọi về bà L không về nên hai vợ chồng đã làm đơn ly hôn và được Tòa án ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn. Sau khi ly hôn bà L xin lỗi ông và hứa sửa đổi tính cách, ông muốn cho bà L một cơ hội và đón bà L về chung sống được vài tháng. Đến ngày 22/01/2016 ông và bà L đăng ký kết hôn lại tại UBND phường H. Qúa trình chung sống giữa ông và bà vẫn bất hòa như cũ. Ông ở giữa khuyên nhiều nhưng không có kết quả, tháng 11/2016 ông lại làm đơn xin hôn sau đó bà L lại xin lỗi và ông đã rút đơn ly hôn. Từ khi rút đơn ly hôn tháng 6/2016 đến nay, tình cảm giữa ông và bà L

không cải thiện, bà L vẫn thuê trọ bên ngoài, ông và các con đến đón nhưng bà L không về. Nay ông xác định không còn tình cảm với bà L và xin được ly hôn với bà L.

Về con chung: Không có.

Tài sản chung; công nợ: Không có.

Chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm: Đơn xin ly hôn; bản sao sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân; giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 105 ngày 13/4/2015; quyết định đình chỉ số 17 ngày 13/12/2016. Nguyên đơn đã thực hiện việc gửi tài liệu cho bị đơn đầy đủ theo quy định pháp luật.

Về phía bị đơn là bà Phạm Thị L: Tòa án đã nhiều lần triệu tập, xuống nơi ở lấy lời khai nhưng bà Lượng cố tình vắng mặt, Tòa án tiến hành giao các văn bản tố tụng như thông báo giao nộp chứng cứ, thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà L, bà L nhận cố tình vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ kiện, xong bà L vẫn không đến Tòa án làm việc, ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với bà L do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh đã phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật: Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đầy đủ, bị đơn không chấp hành tuy nhiên Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo qui định là đảm bảo.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Đề nghị HĐXX: Xử cho ông Hoàng Xuân T được ly hôn bà Phạm Thị L; về con chung, tài sản chung, công nợ không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ- ợc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Ông Hoàng Xuân T và bà Phạm Thị L kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố B, tỉnh B. Qúa trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà L không biết cách cư xử thường xuyên xảy ra mâu thuẫn giữa bà với con riêng của ông T, ông T và bà L còn có mâu thuẫn về kinh tế, mọi chỉ tiêu sinh hoạt trong gia đình đều do Thanh lo liệu, bà L đi làm phu hồ được bao nhiêu đều để riêng không vun vén cho gia đình, ngoài ra ông T bà L tính cách không hợp nhau, nên năm 2015 ông T bà L đã ly hôn, sau đó ông bà lại quay về chung sống, năm 2016 ông bà đăng ký kết hôn lại tại

UNBD phường H. Sau khi kết hôn lại tình cảm giữa ông T bà L không có gì thay đổi, vợ chồng vẫn mỗi người một nơi. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T à bà L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đặt được, vậy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của ông T là phù hợp.

Về con chung: Không có.

Tài sản chung; công nợ: Không có.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Ông Hoàng Xuân T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 143, 144, 145, 147, 227, 228, 235, 266 và 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Xuân T về việc xin ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Hoàng Xuân T được ly hôn bà Phạm Thị L.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản, công nợ: không có.

4. Về án phí: Ông Hoàng Xuân T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0000539 ngày 30/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh. Ông T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả tống đạt bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bắc Ninh;*
- *VKSND TP Bắc Ninh;*
- *Chi cục THADS TP Bắc Ninh;*
- *Những ng- ời tham gia tố tụng;*
- *L- u hồ sơ, VP.*

Nguyễn Sỹ Khả

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà**

Chu Văn Hiển ***Viêm Văn Doãn*** ***Vũ Văn Hoan***